

Bản án số: 133/2020/DS-PT  
Ngày 29/10/2020  
V/v Tranh chấp di sản thừa kế &  
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trí Dũng

*Các Thẩm phán:*

Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhi  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 9 năm 2019, về việc “Tranh chấp di sản thừa kế & chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 09 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Lê Văn C

Địa chỉ cư trú: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- Bà Lê Thị C

Địa chỉ cư trú: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- Bà Lê Thị T

Địa chỉ cư trú: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà C, bà T:* Bà Nguyễn Ngọc H.

Địa chỉ: khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

*(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 01/11/2019)*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C, bà C, bà T có:* Luật sư Nguyễn Thái T - Văn phòng Luật sư A, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- Bà Lê Thị M

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Bà Lê Thị T1

Địa chỉ cư trú: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Văn T

Địa chỉ cư trú: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*: Có Luật sư Nguyễn Trường T - Văn phòng Luật sư V, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ủy ban nhân dân huyện V

*Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Văn D

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 31/7/2018)

- Ngân hàng TMCP N

*Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Đỗ Trọng P - Giám đốc Chi nhánh (xin vắng mặt)

- Bà Châu Thị N (vợ ông T1)

Lê Thị Thúy L, anh Lê Văn B, chị Lê Thị Bảo Y sinh năm 2005 (con ông T1).

Cùng địa chỉ cư trú: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo pháp luật của chị Y là mẹ ruột Châu Thị N.*

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Liễu, anh Bảo*: Có Bà Châu Thị N

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2018)

- Ông Lê Châu S, Lê Thanh T2, Lê Văn K, bà Lê Thị M, Lê Thị M (con ông M)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền của Ông S, Trường, Khỏe, bà M*: Bà Lê Thị M

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 12/11/2018 )

- Bà Huỳnh Thị Ngọc M2 (vợ ông H)

Lê Thị Cẩm T2, Lê Thị Cẩm T3, ông Lê Anh X (con ông H)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- Bà Lê Thị Cẩm N (con ông H)

Địa chỉ cư trú: khu vực T1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- Bà Lê Thị Cẩm M (con ông H)

Địa chỉ cư trú: đường B, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ..

- Bà Lê Thị Cẩm S (con ông H)

- Lê Thị Y (vợ ông T)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- Bà Lê Thị L

Địa chỉ cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- Anh Lê Văn T3, Lê Văn Q sinh năm 2001 (con ông T)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

4. *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn C, Bà Lê Thị C, Lê Thị T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:**

**Nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:** Cha ông Lê Văn B sinh năm 1930 chết ngày 28/12/1998 và mẹ là Lại Thị P sinh năm 1930 chết ngày 26/5/2017. Cha mẹ có 12 người con gồm:

1. Lê Văn T4 chết lúc nhỏ;
2. Lê Thị L, sinh năm 1945;
3. Lê Văn H, sinh năm 1947 chết ngày 03/6/2004;
4. Lê Văn M, sinh năm 1949 chết ngày 11/6/2015;
5. Lê Văn T5, chết lúc nhỏ;
6. Lê Văn T1, sinh năm 1966 chết ngày 17/8/2008;
7. Lê Thị T, sinh năm 1967;
8. Lê Văn C, sinh năm 1968;
9. Lê Thị M, sinh năm 1972;
10. Lê Thị T1, sinh năm 1972;
11. Lê Văn T, sinh năm 1974;
12. Lê Thị C, sinh năm 1978.

Khi cha, mẹ chết không có để lại di chúc và có để lại tài sản là quyền sử dụng đất tại các thửa:

+ Thửa 205, tờ bản đồ số 10, diện tích 860m<sup>2</sup> (trong đó 300m<sup>2</sup> đất thổ cư, 560m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm). Đất tọa lạc tại ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

+ Thửa 16, diện tích 5.734,1m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

+ Thửa 186, tờ bản đồ số 04, diện tích 10.632m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Lúc cha, mẹ còn sống có cho ông phần đất diện tích 1.345m<sup>2</sup>, tại thửa 37 (Thửa 16) gồm đất ao và bờ, ông đã cất nhà ổn định từ năm 1995 đến nay. Cho bà T, M, T, C mỗi người 02 công tằm cắt đất ruộng (2.592m<sup>2</sup>) tại thửa 38 để canh tác nuôi mẹ.

Đến tháng 6/2016 bà T1 nhận chuyển nhượng phần đất LNK tại thửa 205 diện tích 92,4m<sup>2</sup> từ ông T với giá 20.000.000 đồng, diện tích đo đạc thực tế 100,3m<sup>2</sup>.

Nay ông yêu cầu ông T tách phần đất 1.345m<sup>2</sup>, tại thửa 37 (cũ), tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Ông yêu cầu được nhận đất vì ông đã cất nhà ở trên đất.

Ông yêu cầu nhận đường đi từ nhà đến lộ giao thông nông thôn là 1,5m, nằm trong thửa 16 và 186.

**Nguyên đơn Bà Lê Thị C, Lê Thị T, Lê Thị M, Lê Thị T1 cùng thống nhất trình bày:** Các bà đều thống nhất lời trình bày của ông C về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế mà cha mẹ để lại.

Năm 2010 mẹ bà có cho bà C, bà T, M, và bà T1 mỗi người 02 công tầm cắt (2.592m<sup>2</sup>) đất ruộng tại thửa 38, nay là thửa số 04 để canh tác luân phiên nuôi mẹ. Sau này bà để lại cho ông T canh tác để lấy tiền nuôi mẹ.

Nay các bà yêu cầu ông T tách trả cho mỗi người một phần đất diện tích 2.592m<sup>2</sup> tại thửa 38 nay là thửa 04, đất tọa lạc tại ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Riêng bà T1 vào tháng 6/2016 bà có nhận chuyển nhượng của ông T phần đất tại thửa 205, diện tích 92,4m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế 100,3m<sup>2</sup> để xây nhà, bà đã giao cho ông T số tiền chuyển nhượng là 20.000.000 đồng, nhưng đến nay ông T không chuyển quyền sử dụng cho bà. Ngoài yêu cầu trên bà còn yêu cầu ông T phải chuyển quyền sử dụng 100,3m<sup>2</sup> đất sang cho bà.

**Bị đơn Ông Lê Văn T trình bày:** Ông thống nhất ông B bà P có các người con như nguyên đơn trình bày là đúng.

Ông không đồng ý chia tài sản cho nguyên đơn. Do các tài sản này ông được cha mẹ cho thừa kế đúng theo quy định của pháp luật. Ông đồng ý cho ông C một cái nền nhà chiều dài đến trụ đá phía sau là 49,71m<sup>2</sup>, theo bản trích đo địa chính đã vẽ.

Đồng ý cho ông C đường đi từ nhà ra đến lộ nông thôn ngang 1m, không đồng ý cho 1,5m như ông C yêu cầu.

Đối với yêu cầu của bà C, M, T, Thơm thì ông không đồng ý chia phần diện tích tại thửa 38, nay là thửa 04.

Đồng ý công nhận hợp đồng ông đã chuyển nhượng cho bà T1 92,4m<sup>2</sup>, theo đo đạc thực tế là 100,3m<sup>2</sup> tại thửa 205 như bà T1 yêu cầu.

Đối với yêu cầu của bà Lê Thị M được công nhận diện tích đất chuyển nhượng 458m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế 951,1m<sup>2</sup> theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/9/2017 giữa ông và bà M thì ông đồng ý.

**Ủy ban nhân dân huyện V trình bày:** UBND huyện V cấp giấy CNQSD đất cho bà Lại Thị P tại các thửa 186,16, 04 và 205, sau đó Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chỉnh lý thừa kế từ bà P sang Ông Lê Văn T ngày 26/6/2017 là đúng đối tượng và trình tự thủ tục quy định.

**Văn phòng Công chứng Đỗ Như Phương trình bày:** Việc công chứng nội dung di chúc của bà Lại Thị P lập ngày 06/4/2011 căn cứ vào văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 29/02/2011, của bà P về việc khai mở di sản của chồng là ông Lê Văn B đối với các thửa đất số 205, 37, 38, tờ bản đồ số 10 (thửa 38, đổi thành thửa 04, thửa 37 đổi thành thửa 186+16, tờ bản đồ số 04); văn bản khai mở di sản được Phòng tư pháp huyện V chứng thực số 20, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD, ngày 09/02/2011, trong nội dung khai mở thì bà P có quyền về các tài sản nêu trên và được đăng ký tại Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Thạnh.

Năm 2017 bà P chết ông T đứng ra khai nhận theo di chúc, theo nội dung di chúc bà P lập thì ông T được hưởng toàn bộ tài sản mà bà P để lại. Vì vậy không bắt buộc yêu cầu phải thông báo cho các đồng sở hữu khác (những người trong hàng thừa kế thứ nhất).

Việc công chứng được thực hiện theo quy định của pháp luật. Văn phòng công chứng xin được vắng mặt.

**Ngân hàng TMCP N trình bày:** Ngày 27/6/2017 Ông Lê Văn T có vay Ngân hàng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00736, số vào sổ BD 730451 cấp ngày 23/8/2011.

Ngày 16/10/2018, ông T đã tắt toán nợ vay Ngân hàng đã hoàn trả hồ sơ bản chính và tài sản thế chấp cho ông T.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

+ **Bà Lê Thị L:** Bà thống nhất với lời trình bày của ông C, bà xin được nhận hiện vật do di sản cha mẹ để lại, khi cha mẹ còn sống thì chưa phân chia cho bà.

+ **Bà Huỳnh Thị Ngọc M2:** Bà thống nhất với lời trình bày của ông C. Khi ông B, bà P còn sống đã cho bà 5.000m<sup>2</sup>, do làm ăn thất bại nên vợ chồng bà đã chuyển nhượng cho người khác.

Qua vụ kiện tranh chấp bà không có ý kiến hay yêu cầu gì. Nếu phần di sản được hưởng bà xin được nhận phần giá trị.

+ **Bà Châu Thị N:** Bà thống nhất lời trình bày của ông C. Khi ông B bà P còn sống đã cho vợ chồng bà 5.000m<sup>2</sup> đất, do làm ăn thất bại nên vợ chồng bà đã chuyển nhượng cho người khác.

Qua vụ kiện tranh chấp bà không có ý kiến hay yêu cầu gì. Nếu phần di sản được hưởng bà xin được nhận phần giá trị.

+ **Bà Lê Thị M:** Bà thống nhất với lời trình bày của ông C. Bà yêu cầu được công nhận phần đất tại thửa 205, diện tích như hợp đồng là 458m<sup>2</sup>, diện tích đo đạc thực tế 951,1m<sup>2</sup> cho bà, do trước đây ông T đã chuyển nhượng phần đất này cho bà đã làm hợp đồng có công chứng, chứng thực.

+ **Bà Lê Thị Y:** Bà là vợ ông T, bà thống nhất với lời trình bày của ông T, không bổ sung gì thêm.

+ **Bà Lê Thị Cẩm T3, Lê Thị Cẩm T2, Lê Thị Cẩm N, Lê Thị Cẩm M3, Lê Thị Cẩm S, ông Lê Anh X:** Các ông bà là con ông Lê Văn H đã chết 2004, bà Huỳnh Ngọc M (vợ ông H).

Các ông bà thống nhất với lời trình bày của nguyên và bị đơn về các con ông B bà P và tài sản để lại thừa kế. Khi ông H còn sống thì ông bà Nội đã cho phần diện tích 5.000m<sup>2</sup>. Do làm ăn thất bại nên đã chuyển nhượng cho người khác. Nay qua vụ kiện tranh chấp giữa các đương sự, các ông bà cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì. Nếu phần di sản được hưởng theo quy định của pháp luật thì ông bà đồng ý nhường phần được hưởng lại cho ông T vì ông T có công nuôi ông bà nội.

+ **Anh Lê Văn T3, Lê Văn Q:** Hai anh là con của ông T thống nhất lời trình bày của ông T, không có ý kiến gì thêm.

***Các nhân chứng trình bày:***

+ **Bà Huỳnh Thị Út L:** Khi bà P lập di chúc thì bà P hoàn toàn minh mẫn, tài sản bà P để lại di chúc là để cho ông T, bà có ký tên vào di chúc với tư cách người làm chứng.

Việc bà P để lại di chúc cho ông T các anh em của ông T có biết không thì bà không biết.

Do bận công việc bà xin được vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng của các cấp Tòa án.

+ **Ông Lại Văn P:** Việc lập di chúc của bà P là bà hoàn toàn minh mẫn, tài sản để lại di chúc là cho ông T, ông có ký tên vào di chúc với tư cách người làm chứng.

Việc bà P để lại di chúc cho ông T các anh em của ông T có biết không thì ông không biết.

Ông xin được vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng của các cấp Tòa án.

+ **Ông Lê Văn C:** Ông là em ruột ông B. Khi ông B còn sống ông nghe ông B nói cho Lê Thị T hai công đất tầm lớn loại đất ruộng, nhưng do ông B chết chưa kịp để lại di chúc nên không định đoạt được ý nguyện của ông B. Các người con còn sống thì ông B có tặng cho riêng chưa thì ông không biết.

Ông xin được vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng của các cấp Tòa án.

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

+ Ông Lê Văn C yêu cầu công nhận cho ông diện tích 891,1m<sup>2</sup> theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2019, loại đất 2L nằm trong thửa 16+186 trong đó bao gồm luôn phần đường đi. Yêu cầu bổ sung chia căn nhà cha mẹ để lại hiện do ông T đang ở.

+ Bà Lê Thị T1 yêu cầu được công nhận diện tích chuyển nhượng 100,3m<sup>2</sup>, ông T hỗ trợ bà 50.000.000 đồng nên bà không có yêu cầu nào khác.

+ Bà Lê Thị C, Lê Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi ông T phải giao trả cho mỗi người 2.592m<sup>2</sup> đất và có yêu cầu bổ sung chia di sản là căn nhà do cha mẹ để lại hiện do ông T đang ở.

+ Bà Lê Thị M giữ nguyên yêu cầu được công nhận diện tích đã chuyển nhượng 951,1m<sup>2</sup>.

+ Bà Lê Thị L rút yêu cầu chia thừa kế nhưng đề nghị chia cho Bà M, T, Thơm, C vì hiện tại đang gặp khó khăn.

+ Bà Châu Thị N không yêu cầu.

+ Ông Lê Văn T đồng ý cho ông Chín diện tích theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2019 do ông chỉ, diện tích 783,4m<sup>2</sup> trong thửa 16+186, tờ bản đồ số 04 trong đó bao gồm diện tích lối đi vô nhà ông C.

- Đồng ý giao quyền sử dụng đất cho bà T1 theo hợp đồng chuyển nhượng với diện tích 100,3m<sup>2</sup>.

- Đồng ý giao quyền sử dụng và công nhận hợp đồng chuyển nhượng cho bà M diện tích 951,1m<sup>2</sup>.

- Đồng ý hỗ trợ cho Bà M, Thom, T, C mỗi người 50.000.000 đồng.

- Không đồng ý chia căn nhà vì ông đã bỏ tiền ra di dời không còn như hiện trạng cha mẹ để lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DS-ST ngày 03/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C.

Công nhận cho ông Lê Văn C phần đất diện tích 783,4m<sup>2</sup>, trong thửa (16 và 186), loại đất 2L, tờ bản đồ số 04, theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00734 và CH00735 đã cấp cho bà Lê Thị Phiến, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V xác nhận chính lý để thừa kế cho Ông Lê Văn T ngày 01/6/2017.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị C, Lê Thị T trong việc yêu cầu Ông Lê Văn T có trách nhiệm giao trả diện tích 2.596m<sup>2</sup>, loại đất 2L trong thửa số 04 vì không có căn cứ.

Đình chỉ yêu cầu của Bà Lê Thị T1 và Bà Lê Thị M về việc yêu cầu Ông Lê Văn T có trách nhiệm giao trả lại diện tích 2.592m<sup>2</sup>, loại đất 2L, thuộc thửa số 04, do rút lại yêu cầu.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa gồm:

- Công nhận sự thỏa thuận giữa Ông Lê Văn T với Bà Lê Thị T1 về việc công nhận cho Bà Lê Thị T1 diện tích theo đo đạc thực tế là 100,3m<sup>2</sup>, trong thửa 205, loại đất (ODT và CLN). Trong đó có 62,8m<sup>2</sup> đất ODT, 37,5m<sup>2</sup> đất CLN, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00366 đã cấp cho bà Lê Thị Phiến, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V xác nhận chính lý để thừa kế cho Ông Lê Văn T ngày 01/6/2017.

- Công nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thị M với Ông Lê Văn T, về việc công nhận diện tích thửa 205, theo đo đạc thực tế 951,1m<sup>2</sup>, theo vị trí số (3) và (4) trong bản trích đo địa chính của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường, thuộc Sở tài nguyên và Môi trường thành phố C ngày 18/7/2018 cho bà Lê Thị M.

Công nhận sự tự nguyện của Ông Lê Văn T về việc đồng ý có trách nhiệm hỗ trợ cho Bà Lê Thị C, Bà Lê Thị T, Bà Lê Thị T1, Bà Lê Thị M mỗi người 50.000.000 đồng.

Các đương sự có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để được đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Kiến nghị quan có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo nội dung đã tuyên.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2019 và các biên bản đo đạc, thẩm định, định giá do Tòa án thành lập đoàn ngày 30/3/2018 và các bản trích đo địa chính của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, thuộc Sở tài nguyên và Môi trường thành phố C cung cấp, xác nhận ngày 18/7/2018 và ngày 24/7/2018 và bản trích đo địa chính có xác nhận của Hội đồng xét xử ngày 03/6/2019 để xác định, vị trí, kích thước, diện tích phần đất các đương sự tranh chấp, cũng như được công nhận để thi hành.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14 tháng 6 và 17 tháng 6 năm 2019, ông Lê Văn C kháng cáo và kháng cáo bổ sung yêu cầu được hưởng diện tích 1.309,9m<sup>2</sup> ký hiệu “A” theo bản trích đo địa chính ngày 18/7/2018 và phần diện tích đường đi có chiều ngang 3,06m x dài 28,28m).

Yêu cầu hủy khai nhận di sản thừa kế do bà bà Lại Thị P lập được phòng tư pháp huyện V chứng thực ngày 09/02/2011.

Yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00366, CH00734, CH00736 đứng tên bà Lại Thị P được chỉnh lý biến động sang Ông Lê Văn T ngày 26/6/2017.

Ngày 17/6/2019 Bà Lê Thị C kháng cáo yêu cầu được chia 2.592m<sup>2</sup> đất ruộng thuộc thửa 16, và 186, tờ bản đồ số 04, và phần nền nhà 136,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 205, tờ bản đồ số 10.

Ngày 17/6/2019 Bà Lê Thị T kháng cáo yêu cầu được chia 2.592m<sup>2</sup> đất ruộng thuộc thửa 16, và 186, tờ bản đồ số 04.

Yêu cầu hủy khai nhận di sản thừa kế do bà bà Lại Thị P lập được phòng tư pháp huyện V chứng thực ngày 09/02/2011.

Yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00366, CH00734, CH00736 đứng tên bà Lại Thị P được chỉnh lý biến động sang Ông Lê Văn T ngày 26/6/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên;

Các đương sự còn lại vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn ông T đồng ý ổn định cho ông C 1.309,9m<sup>2</sup>, và giữ lối đi chung giữa ông và ông C, đồng ý chia cho



bà C 136,7m<sup>2</sup> đất tại thửa 205 do bà C đang sử dụng và ông thối thêm cho bà C 60.458.000 đồng, đồng ý thối giá trị cho bà T 90.758.000 đồng. Hôm nay do các nguyên đơn vắng mặt luật sư của nguyên đơn của đã liên hệ với các nguyên đơn và có ý kiến cũng thống nhất với ý kiến của ông T.

Với những ý kiến nêu trên, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về thủ tục: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn C, Bà Lê Thị C, Lê Thị T có đơn đề ngày 27/10/2020 xin được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các nguyên đơn.

Các nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu được chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do cha mẹ để lại, hiện nay do bị đơn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, cần xác định đây là tranh chấp di sản thừa kế và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[1] Ông Lê Văn B sinh năm 1930 chết ngày 28/12/1998, bà Lại Thị P sinh năm 1930 chết ngày 26/5/2017. Ông B bà P có 12 người con chung gồm:

1. Lê Văn T4 (chết lúc nhỏ); 2. Lê Thị L; 3. Lê Văn H (chết ngày 03/6/2004 có 06 người con gồm: Lê Thị Cẩm T3, Lê Thị Cẩm T2, Lê Thị Cẩm N, Lê Thị Cẩm M3, Lê Anh X, Lê Thị Cẩm S); 4. Lê Văn M (chết ngày 11/6/2015 có 05 người con gồm: Lê Châu S, Lê Thanh T2, Lê Văn K, Lê Thị M, Lê Thị M); 5. Lê Văn T5 (chết lúc nhỏ); 6. Lê Văn T1 (chết ngày 17/8/2008 có 03 người con gồm: Lê Thúy L, Lê Văn B, Lê Thị Bảo Y); 7. Lê Thị T; 8. Lê Văn C; 9. Lê Thị M; 10. Lê Thị T1; 11. Lê Văn T; 12. Lê Thị C.

[2] Lúc sinh thời ông Lê Văn B được cấp giấy chứng nhận ruộng đất số 3627/GCNRĐ cấp ngày 17/11/1989, tổng diện tích là 31.037m<sup>2</sup> đất gồm các thửa như sau:

- Thửa 205 diện tích 925m<sup>2</sup> (LNK)
- Thửa 205 diện tích 300m<sup>2</sup> (Thổ)
- Thửa 37 diện tích 16.950m<sup>2</sup> (2 lúa)
- Thửa 38 diện tích 12.826m<sup>2</sup> (2 lúa)

Ngày 19/3/1997 ông B làm đơn xin đổi giấy chứng nhận QSDĐ, được phòng địa chính duyệt ngày 26/3/1997.

Ngày 03/4/1997 ông B được cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ số 000346 ghi nhận "Hộ" Lê Văn B, với diện tích đất và thửa đất như diện tích đất nêu trên.

Ngày 28/12/1998 ông Lê Văn B chết.

Ngày 29/01/2011 bà Lại Thị P (vợ ông B) làm văn bản nhận tài sản thừa kế toàn bộ diện tích đất 31.037m<sup>2</sup> do ông B đứng tên do bà không biết chữ nên đã lặn tay vào văn bản.

Ngày 09/02/2011 Phòng tư pháp huyện V chứng nhận Văn bản nhận tài sản của bà P. Sau đó bà P được cấp giấy CNQSDĐ do bà đứng tên như sau:

- Giấy chứng nhận QSDĐ số CH00734 cấp ngày 23/8/2011, thửa 16 (thửa 37 cũ) tờ bản đồ số 4, diện tích 5.734,1m<sup>2</sup>.

- Giấy chứng nhận QSDĐ số CH00735 cấp ngày 23/8/2011, thửa 186 (thửa 37 cũ) tờ bản đồ số 4, diện tích 10.632m<sup>2</sup>

- Giấy chứng nhận QSDĐ số CH00736 cấp ngày 23/8/2011, thửa 04 (thửa 38 cũ) tờ bản đồ số 4, diện tích 13.492m<sup>2</sup>

- Giấy chứng nhận QSDĐ số CH00366 cấp ngày 23/8/2011, thửa 205, tờ bản đồ số 10, diện tích 860m<sup>2</sup>.

[3] Ngày 06/4/2011 bà Lại Thị P làm di chúc để lại toàn bộ diện tích đất nói trên cho Ông Lê Văn T.

Ngày 20/6/2017 ông T làm văn bản khai nhận tài sản thừa kế theo di chúc.

Ngày 26/6/2017 ông T được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V chỉnh lý từ tên bà P trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho ông T.

Ông Lê Văn T cho rằng ông là người được bà P làm di chúc tặng cho ông toàn bộ diện tích đất có nguồn gốc ban đầu đứng tên ông B, từ đó ông không đồng ý chia di sản thừa kế như các nguyên đơn yêu cầu.

Qua xem xét đánh giá các chứng cứ được thu thập trong hồ sơ Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của các nguyên đơn có kháng cáo là có một phần cơ sở với các căn cứ sau:

[4] Diện tích đất 31.037m<sup>2</sup> được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số: 3627/GCNRĐ ngày 17/11/1989 do ông Lê Văn B đứng tên, tại thời điểm này diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng chung của ông B và bà Lại Thị P (vợ ông), đến ngày 03/4/1997 ông B được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000346 ông B đại diện hộ gia đình đứng tên. Như vậy đủ căn cứ chứng minh diện tích đất 31.037m<sup>2</sup> không thuộc quyền sử dụng riêng của bà P.

Ngày 28/12/1998 ông B chết không để lại di chúc, như vậy ½ diện tích đất nêu trên (15.518,5m<sup>2</sup>) thuộc di sản thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất, còn lại ½ diện tích đất (15.518,5m<sup>2</sup>) là thuộc quyền sử dụng của bà P. Tuy nhiên bà P đã tự ý đi khai nhận tài sản luôn cả ½ diện tích đất của ông B để lại làm quyền sử dụng riêng của mình, trong tờ văn bản khai nhận tài sản thừa kế không có chữ ký xác nhận của những người thừa kế hàng thứ nhất là con và cháu (thừa kế thế vị) của ông B đồng ý để ½ tài sản của ông B cho bà P, điều này là vi phạm quyền thừa kế của người khác, việc làm của bà P đã tước mất quyền thừa kế của con, cháu ông B trong đó có các nguyên đơn.

Chính vì việc khai nhận tài sản không phù hợp, không đúng pháp luật của bà P, không có chữ ký xác nhận của các đồng thừa kế đồng ý để cho bà được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất của ông B dẫn đến việc bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau đó bà làm di chúc để toàn bộ đất trên cho ông T.

[5] Như vậy từ việc thực hiện không đúng thủ tục khai nhận thừa kế theo quy định của pháp luật nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P là không đúng trình tự thủ tục mà pháp luật quy định, từ đó bà P dựa vào giấy chứng nhận QSDĐ do bà đứng tên để làm di chúc cho ông T được hưởng toàn bộ diện tích đất trong đó có  $\frac{1}{2}$  đất của ông B thuộc tài sản chung của những người thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, con, cháu (thừa kế thế vị) của ông B là không đúng, di chúc không có hiệu lực toàn bộ mà chỉ có hiệu lực một phần. Bà P chỉ có quyền làm di chúc để lại  $\frac{1}{2}$  tài sản của bà là  $15.359,05m^2$  (Tổng diện tích thực tế hiện nay theo giấy CNQSDĐ của bà P là  $30.718,1m^2$ , diện tích  $\frac{1}{2}$  là  $15.359,05m^2$ ).

Như vậy  $\frac{1}{2}$  diện tích đất là  $15.359,05m^2$  của ông Lê Văn B là di sản thừa kế được chia thừa kế theo pháp luật. Ông B, bà P có 12 người con nhưng đã chết lúc còn nhỏ 02 người, còn lại 10 người và bà P (vợ ông B) tổng cộng 11 người được hưởng thừa kế.

$15.359,05m^2 : 11 \text{ người} = 1.396,277m^2$  (Theo biên bản định giá ngày 30/3/2018 giá đất lúa thị trường là 65.000 đồng/ $1m^2$ ) Như vậy mỗi người được chia  $1.396,277m^2$  tương đương 90.758.000 đồng.

- Bà Lê Thị L; những người thừa kế thế vị ông Lê Văn H gồm: Lê Thị Cẩm T3, Lê Thị Cẩm T2, Lê Thị Cẩm N, Lê Thị Cẩm M3, Lê Anh X, Lê Thị Cẩm S; những người thừa kế thế vị ông Lê Văn T1 gồm: Lê Thúy L, Lê Văn B, Lê Thị Bảo Y không có yêu cầu chia thừa kế nên cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là có căn cứ.

- Bà Lê Thị T1, Lê Thị M đã rút yêu cầu chia thừa kế mỗi người  $2.592m^2$  đất và có thỏa thuận với ông T tại phiên tòa sơ thẩm nên cấp sơ thẩm đình chỉ và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là đúng pháp luật.

- Bà Lê Thị M đại diện cho Lê Châu S, Lê Thanh T2, Lê Văn K, Lê Thị M là những người thừa kế thế vị của ông Lê Văn M đã tự nguyện thỏa thuận với ông T tại phiên tòa và cấp sơ thẩm cũng đã ghi nhận sự thỏa thuận của các bên là có cơ sở.

Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự nói trên không ai kháng cáo do đó, cấp phúc thẩm cũng không xem xét lại những phần tài sản có liên quan đến những người không kháng cáo và án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Đối với kháng cáo của ông Lê Văn C yêu cầu được hưởng diện tích  $1.309,9m^2$  ký hiệu “A” theo bản trích đo địa chính ngày 18/7/2018 và phần diện tích đường đi có chiều ngang 3,06m x dài 28,28m. Yêu cầu này là hoàn toàn có cơ sở với các căn cứ sau:

- Phần đất  $1.309,9m^2$  được ông C sử dụng trước lúc ông B bà P chết và ông cũng đã cất nhà kiên cố ở cùng gia đình nếu giao diện tích này cho ông C thì cũng chưa đủ so với diện tích đất ông được hưởng thừa kế là  $1.396,277m^2$  còn thiếu  $86,377m^2$ .

- Về lối đi từ phần đất ở nhà ông C ra đường giao thông nông thôn có diện tích một cạnh chiều dài 28.07m, một cạnh dài 28.28m, chiều ngang 3.06m, lẽ ra nên giao

phần đường đi này cho ông C thì mới đủ diện tích ông C được hưởng thừa kế. Tuy nhiên qua hồ sơ cũng như bản trích đo địa chính số 77 ngày 18/7/2018 thể hiện trong thửa 16 và 186 vừa có đất nhà của ông C và có đất nhà của ông T, lối đi trên được hình thành lâu đời do hai gia đình sử dụng chung để làm lối đi ra đường nông thôn, nếu giao cho một trong hai ông được quyền sử dụng thì sẽ phát sinh hậu quả tranh chấp, có thể gây ra sự cản trở lối đi về sau, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của hai gia đình ông C và ông T nghĩ nên giữ nguyên lối đi với diện tích nêu trên cho gia đình ông C và ông T đồng quyền sử dụng hợp pháp chung không ai được quyền cản trở.

[7] Đối với yêu cầu kháng cáo của Bà Lê Thị C xin được thừa kế 2.592m<sup>2</sup> đất lúa trong thửa số 04 Hội đồng xét thấy; Bà C cũng là người được hưởng một phần thừa kế trong 11 phần với diện tích đất là 1.396,277m<sup>2</sup> do đó, yêu cầu của bà chỉ được chấp nhận một phần. Thực tế hiện nay thửa đất số 04 có diện tích 15.053,2m<sup>2</sup> là loại đất trồng lúa do ông T đang sử dụng, với phần thừa kế bà C được hưởng là 1.396,277m<sup>2</sup> nên không thể cắt ra diện tích này trong diện tích lớn trên được sẽ làm ảnh hưởng chung đến việc sản xuất.

Căn cứ biên bản định giá ngày 30/3/2018 (bút lục 195, 206) ghi nhận giá đất thị trường tại các diện tích mà các bên tranh chấp như sau:

Đất thổ cư: 300.000 đồng/1m<sup>2</sup>;

Đất cây lâu năm: 90.000 đồng/1m<sup>2</sup>;

Đất lúa: 65.000 đồng/1m<sup>2</sup>.

Căn cứ theo Bản trích đo địa chính số 78/TTKTTNMT ngày 18/7/2018 thì bà C đang sử dụng tại thửa 205 diện tích 136,7m<sup>2</sup> vị trí (1), trong đó: 85,7m<sup>2</sup> đất ONT, phần còn lại là 51m<sup>2</sup> đất CLN.

Vậy: 85,7m<sup>2</sup> x 300.000 đồng = 25.710.000 đồng; 51m<sup>2</sup> x 90.000 đồng = 4.590.000 đồng. Tổng cộng giá trị phần đất 136,7m<sup>2</sup> là 30.300.000 đồng. Nếu so với 01 suất thừa kế bà C được hưởng 1.396,277m<sup>2</sup> x 65.000 đồng/1m<sup>2</sup> = 90.758.000 đồng. Vậy nghĩ nên giao cho bà C diện tích đất hiện nay do bà đang sử dụng là 136,7m<sup>2</sup> tương đương giá trị 30.300.000 đồng và ông T có trách nhiệm giao thêm cho bà C 60.458.000 đồng.

[8] Đối với yêu cầu kháng cáo của Bà Lê Thị T xin được chia thừa kế 2.592m<sup>2</sup> đất ruộng bà T cũng là người được hưởng một phần thừa kế trong 11 phần với diện tích đất là 1.396,277m<sup>2</sup>. Do đó, yêu cầu của bà chỉ được chấp nhận một phần. Hiện nay bà không có sử dụng phần đất nào, cũng như phần trên đã phân tích phần đất của ông T đang quản lý rất lớn không thể tách ra diện tích đất nhỏ sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất. Do đó nghĩ nên buộc ông T thôi trả giá trị cho bà T 90.758.000 đồng là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn ông T đồng ý ổn định cho ông C 1.309,9m<sup>2</sup>, và giữ lối đi chung giữa ông và ông C, đồng ý chia cho bà C 136,7m<sup>2</sup> đất tại thửa 205 do bà C đang sử dụng và ông thôi thêm cho bà C 60.458.000 đồng, đồng ý thôi giá trị cho bà T 90.758.000 đồng. Do ý kiến tự nguyện của ông T Hội đồng xét xử cũng ghi nhận.

Ông C, bà T, bà C yêu cầu hủy tờ khai nhận di sản thừa kế do bà P lập và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P đứng tên được chỉnh lý sang tên ông T, Hội đồng xét xử xét thấy là không cần thiết bởi lẽ; toàn bộ di sản trên có ½ của bà P hiện nay do ông T đứng tên toàn bộ diện tích đất cho nên chỉ cần người thừa kế nào được hưởng bao nhiêu thì được cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 99, 100 Luật đất đai.

Căn cứ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn C, Bà Lê Thị C, Bà Lê Thị T.

Diện tích đất 15.359,05m<sup>2</sup> do ông Lê Văn B để lại hiện nay do Ông Lê Văn T đang đứng tên là di sản thừa kế theo pháp luật.

Ông Lê Văn C, Bà Lê Thị C, Bà Lê Thị T mỗi người được chia một kỷ phần thừa kế diện tích đất 1.396,277m<sup>2</sup>, cụ thể:

Ông Lê Văn C được chia diện tích 1.309,9m<sup>2</sup> ký hiệu “A” thửa 16 +186 tờ bản đồ số 04, theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00734 và CH00735 đã cấp cho bà Lê Thị Phiến, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V xác nhận chỉnh lý để thừa kế cho Ông Lê Văn T ngày 01/6/2017.

Về lối đi chung có diện tích một cạnh chiều dài 28.07m, một cạnh chiều dài 28.28m, chiều ngang 3.06m (trong đó có 30,6m<sup>2</sup> diện tích trong HLLG) là đồng sử dụng hợp pháp (sử dụng chung) của ông Lê Văn C và Ông Lê Văn T.

Các diện tích nêu trên được ghi nhận trong bản trích đo địa chính số 77/TTKTTNMT ngày 18/7/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ (có kèm theo).

Bà Lê Thị C được chia một kỷ phần thừa kế diện tích đất 136,7m<sup>2</sup> tại thửa 205, tờ bản đồ số 10, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00366 cấp cho bà Lê Thị Phiến, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V xác nhận chỉnh lý để thừa kế cho Ông Lê Văn T ngày 01/6/2017.

Ông Lê Văn T có trách nhiệm giao thêm cho Bà Lê Thị C số tiền 60.458.000 đồng (sáu mươi triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn đồng)

Diện tích nêu trên của bà C được ghi nhận trong bản trích đo địa chính số 78/TTKTTNMT ngày 18/7/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ (có kèm theo).

Ông Lê Văn T có trách nhiệm giao cho Bà Lê Thị T một kỷ phần thừa kế giá trị bằng số tiền 90.758.000 đồng (chín mươi triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Đình chỉ yêu cầu của Bà Lê Thị T1 và Bà Lê Thị M về việc yêu cầu Ông Lê Văn T có trách nhiệm giao trả lại diện tích 2.592m<sup>2</sup>, loại đất 2L, thuộc thửa số 04, do rút lại yêu cầu.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa Ông Lê Văn T với Bà Lê Thị T1 về việc công nhận cho Bà Lê Thị T1 diện tích theo đo đạc thực tế là 100,3m<sup>2</sup>, trong thửa 205, loại đất (ODT và CLN). Trong đó có 62,8m<sup>2</sup> đất ODT, 37,5m<sup>2</sup> đất CLN, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00366 đã cấp cho bà Lê Thị P, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V xác nhận chỉnh lý để thừa kế cho Ông Lê Văn T ngày 01/6/2017.

- Công nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thị M với Ông Lê Văn T, về việc công nhận diện tích thửa 205, theo đo đạc thực tế 951,1m<sup>2</sup>, theo vị trí số (3) và (4) trong bản trích đo địa chính của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, thuộc Sở tài nguyên và Môi trường thành phố C ngày 18/7/2018 cho bà Lê Thị M.

Công nhận sự tự nguyện của Ông Lê Văn T về việc đồng ý có trách nhiệm hỗ trợ cho Bà Lê Thị T1, Bà Lê Thị M mỗi người 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

Các đương sự có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để được đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Kiến nghị quan có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo nội dung đã tuyên.

Chi phí thẩm định, định giá: 27.038.630 đồng. Ông C, bà C, M, T, Thơm, Mận, ông T mỗi người phải chịu 3.863.000 đồng, ông C đã tạm nộp tạm ứng trước. Do đó, bà C, M, T, Mận và ông T mỗi người phải trả lại cho ông C 3.863.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông C, bà C, Thơm mỗi người phải chịu 4.537.900 đồng.

Ông C được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.017.500 đồng theo biên lai số 009570 ngày 08/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, ông C còn phải nộp 2.520.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà C được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 3.888.000 đồng theo biên lai số 009574 ngày 08/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, bà C còn phải nộp 649.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 3.888.000 đồng theo biên lai số 009571 ngày 08/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, bà C còn phải nộp 649.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Bà M 3.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 009572 ngày 08/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh.

Bà Lê Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 3.888.000 đồng theo biên lai số 009573 ngày 08/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh bà T1 được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 3.588.000 đồng.

Bà Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 009890 ngày 15/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh; bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn C, Bà Lê Thị C và Lê Thị T không phải chịu; hoàn trả cho ông C, bà C, bà T mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai số: 001713 ngày 14/6/2019; 001719, 001720 cùng ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND H.Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS. H.Vĩnh Thạnh;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Trí Dũng**